

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; danh mục 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 371/QĐ-BNN-QLCL ngày 19 tháng 01 năm 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 449/TTr-SNN ngày 15 tháng 02 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; danh mục 01 thủ tục hành chính bị bãi bỏ lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ký.

1. Bãi bỏ 02 thủ tục hành chính (số thứ tự 01 và 02) lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản ban hành kèm theo Quyết định số 1432/QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 04 thủ tục hành chính được thay thế lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

2. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính (số thứ tự 01) lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản ban hành kèm Quyết định số 2302/QĐ-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

3. Bãi bỏ 01 quy trình nội bộ (số 01/QLCL) lĩnh vực quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản ban hành kèm theo Quyết định số 2392/QĐ-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt 06 quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre.

Điều 3. Giao Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng dự thảo Quyết định sửa đổi, bổ sung 02 quy trình nội bộ (số thứ tự 77, 78) ban hành kèm theo Quyết định số 2278/QĐ-UBND ngày 17 tháng 10 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Bến Tre, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT.UBND tỉnh;
- Các PCVP.UBND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Phòng KSTT, KT, TTPVHCC;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Tam

Phụ lục I
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Quyết định số 372 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
Lĩnh vực: Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản			
1	2.001827	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản.	Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.
2	2.001823	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận ATTP hết hạn).	

2. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
Lĩnh vực: Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản			
1	2.001819	Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp giấy chứng nhận ATTP vẫn còn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận ATTP).	Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

Phụ lục II
NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH BẾN TRE
(Kèm theo Quyết định số 372 /QĐ-UBND ngày 01 tháng 3 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

LĨNH VỰC: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG NÔNG LÂM SẢN VÀ THỦY SẢN

1. Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản

- Trình tự thực hiện:

+ **Bước 1.** Cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết) hoặc qua đường bưu điện.

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo các địa điểm như sau:

- **Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản** (Số 8, đường Nguyễn Trung Trực, Phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; điện thoại: 0275.3827337 - 0275.3545536; fax: 0275. 3827337) tiếp nhận các loại hồ sơ:

+ Cơ sở thu gom, sơ chế sản phẩm: Trồng trọt; mật ong và sản phẩm từ mật ong; tổ yến và sản phẩm từ tổ yến; sữa tươi nguyên liệu; các loại sản phẩm động vật trên cạn khác; sản phẩm thủy sản.

+ Cơ sở chế biến sản phẩm: Trồng trọt; thịt và các sản phẩm từ thịt; trứng và các sản phẩm từ trứng; mật ong và sản phẩm từ mật ong; tổ yến và sản phẩm từ tổ yến; các loại sản phẩm động vật trên cạn khác; sản phẩm thủy sản.

+ Cơ sở kinh doanh, vận chuyển sản phẩm: Trồng trọt; mật ong và sản phẩm từ mật ong; tổ yến và sản phẩm từ tổ yến; sữa tươi nguyên liệu; các loại sản phẩm động vật trên cạn khác; sản phẩm thủy sản.

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh: Muối; dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; nông sản thực phẩm khác.

- **Chi cục Thủy sản** (Số 87, đường 30/4, Phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; điện thoại: 0275.3560800; fax: 0275.3545548) tiếp nhận các loại hồ sơ: Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm thủy sản.

- **Chi cục Chăn nuôi và Thú y** (Số 352B, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; điện thoại: 0275.3822177; fax: 0275.3812086) tiếp nhận các loại hồ sơ:

+ Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm: Thịt và các sản phẩm từ thịt; trứng và các sản phẩm từ trứng; mật ong và sản phẩm từ mật ong; tổ yến và sản phẩm từ tổ yến; sữa tươi nguyên liệu; các loại sản phẩm động vật trên cạn khác.

+ Cơ sở thu gom, sơ chế/giết mổ sản phẩm: Thịt và các sản phẩm từ thịt; trứng và các sản phẩm từ trứng.

+ Cơ sở kinh doanh, vận chuyển sản phẩm: Thịt và các sản phẩm từ thịt; trứng và các sản phẩm từ trứng.

- **Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật** (Số 26, đường 3/2, Phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; điện thoại: 0275.3822496; fax: 0275.3814728) tiếp nhận các loại hồ sơ: Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm ngũ cốc, rau, củ, quả.

***Bước 2:** Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đi thăm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; nếu đủ điều kiện thì phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.*

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoặc qua đường bưu điện.

- **Thành phần hồ sơ:**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;

+ Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;

+ Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định.

. Đối với thành phần hồ sơ quy định tại các điểm b, d và đ cơ sở gửi khi nộp hồ sơ hoặc cung cấp cho Đoàn thẩm định khi đến thẩm định thực tế tại cơ sở.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân (Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản).

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Chi cục Thủy sản; Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm;

+ Thời hạn hiệu lực của giấy chứng nhận: 03 năm.

- **Phí, lệ phí:** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở.

- **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản phải đáp ứng các quy định tương ứng tại Điều: 10, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 44, 54, 55 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội.

+ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ *Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

+ Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

Lưu ý: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung

2. Cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (Trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)

- Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. *Cơ sở nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre số 126A, đường Nguyễn Thị Định, Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, trong giờ làm việc, sáng từ 07 giờ đến 11 giờ, chiều từ 13 giờ đến 17 giờ từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần (trừ ngày lễ, tết) hoặc qua đường bưu điện.*

Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh Bến Tre chuyển hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo các địa điểm như sau:

- Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản (Số 8, đường Nguyễn Trung Trực, Phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; điện thoại: 0275.3827337 - 0275.3545536; fax: 0275. 3827337) tiếp nhận các loại hồ sơ:

+ Cơ sở thu gom, sơ chế sản phẩm: Trồng trọt; mật ong và sản phẩm từ mật ong; tổ yến và sản phẩm từ tổ yến; sữa tươi nguyên liệu; các loại sản phẩm động vật trên cạn khác; sản phẩm thủy sản.

+ Cơ sở chế biến sản phẩm: Trồng trọt; thịt và các sản phẩm từ thịt; trứng và các sản phẩm từ trứng; mật ong và sản phẩm từ mật ong; tổ yến và sản phẩm từ tổ yến; các loại sản phẩm động vật trên cạn khác; sản phẩm thủy sản.

+ Cơ sở kinh doanh, vận chuyển sản phẩm: Trồng trọt; mật ong và sản phẩm từ mật ong; tổ yến và sản phẩm từ tổ yến; sữa tươi nguyên liệu; các loại sản phẩm động vật trên cạn khác; sản phẩm thủy sản.

+ Cơ sở sản xuất, kinh doanh: Muối; dụng cụ, vật liệu bao gói chứa đựng thực phẩm trong quá trình sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; nước đá sử dụng để bảo quản, chế biến sản phẩm thuộc lĩnh vực được phân công quản lý; nông sản thực phẩm khác.

- Chi cục Thủy sản (Số 87, đường 30/4, Phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; điện thoại: 0275.3560800; fax: 0275.3545548) tiếp nhận các loại hồ sơ: Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm thủy sản.

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y (Số 352B, đường Nguyễn Đình Chiểu, Phường 8, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; điện thoại: 0275.3822177; fax: 0275. 3812086) tiếp nhận các loại hồ sơ:

+ Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm: Thịt và các sản phẩm từ thịt; trứng và các sản phẩm từ trứng; mật ong và sản phẩm từ mật ong; tổ yến và sản phẩm từ tổ yến; sữa tươi nguyên liệu; các loại sản phẩm động vật trên cạn khác.

+ Cơ sở thu gom, sơ chế/giết mổ sản phẩm: Thịt và các sản phẩm từ thịt; trứng và các sản phẩm từ trứng.

+ Cơ sở kinh doanh, vận chuyển sản phẩm: Thịt và các sản phẩm từ thịt; trứng và các sản phẩm từ trứng.

- **Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật** (Số 26, đường 3/2, Phường An Hội, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre; điện thoại: 0275.3822496; fax: 0275.3814728) tiếp nhận các loại hồ sơ: Cơ sở sản xuất ban đầu sản phẩm ngũ cốc, rau, củ, quả.

+ Bước 2: *Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền tổ chức đi thăm định thực tế điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm tại cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm; nếu đủ điều kiện thì phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm; trường hợp từ chối thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.*

- **Cách thức thực hiện:** Trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, đường Nguyễn Thị Định Tổ 10, Khu phố 2, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoặc qua đường bưu điện.

- **Thành phần hồ sơ:**

- + Đơn đề nghị cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm;
- + Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- + Bản thuyết minh về cơ sở vật chất, trang thiết bị, dụng cụ bảo đảm điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền;
- + Giấy xác nhận đủ sức khỏe của chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm do cơ sở y tế cấp huyện trở lên cấp;
- + Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm của chủ cơ sở và của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo quy định.

Đối với thành phần hồ sơ quy định tại các điểm b, d và đ cơ sở gửi khi nộp hồ sơ hoặc cung cấp cho Đoàn thăm định khi đến thăm định thực tế tại cơ sở.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

- **Thời hạn giải quyết:** 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân (Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản).

- **Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản; Chi cục Thủy sản; Chi cục Chăn nuôi và Thú y; Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật.

- **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm, giấy chứng nhận có hiệu lực trong thời gian 03 năm.

- **Phí, lệ phí:** Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản: 700.000 đồng/cơ sở.

- **Mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Không có.

- **Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản phải đáp ứng các quy định tương ứng tại Điều: 10, 11, 12, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 44, 54, 55 Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội.

- **Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật An toàn thực phẩm số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội.

+ Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

+ *Thông tư số 32/2022/TT-BNNPTNT ngày 30/12/2022 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số Thông tư quy định thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

+ Thông tư số 44/2018/TT-BTC ngày 07/5/2018 của Bộ Tài chính, Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 285/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí, lệ phí trong công tác thú y; Thông tư số 286/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp.

Lưu ý: Phần chữ in nghiêng là nội dung được sửa đổi, bổ sung